TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẠM TẤU** TỈNH YÊN BÁI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tiến;

2. Bà Lại Thị Lân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huế- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hờ Thị M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Đức T- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Thào A D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

3. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A L- Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Hờ Thị M trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Thào A D đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 1984, tuy nhiên giữa bà và ông D không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D không chăm lo cho gia đình, thường hay uống rượu rồi về nhà đánh đập vợ, vợ chồng sống chung không một ngày yên ổn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã X, huyện T từ năm 2021 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến đời sống của nhau.

Mâu thuẫn giữa bà và ông D đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Thào A D.

- Về con chung: Giữa bà và ông Thào A D có 03 con chung là Thào Thị G, sinh ngày 01-01-1987; Thào A T, sinh ngày 15-9-1995 và Thào Thị H, sinh ngày 15-3-2001; hiện nay các con đã đi xây dựng gia đình riêng và đã trên 18 tuổi nên bà M không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông D tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Thào A D nhất trí với nội dung bà M trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện đăng ký kết hôn. Ông D xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông D cho rằng nguyên nhân là do bà M nói là không còn tình cảm với ông và không muốn chung sống cùng ông nữa nên cuối năm 2021 bà M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã X, huyện T từ đó đến nay, ông D đã đến đón nhiều lần nhưng bà M về nhà được mấy hôm lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ, khoảng hơn một năm nay thì ông không đến đón nữa.

Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với bà M, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà M về đoàn tụ, trường hợp nếu bà M nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà M có 03 con chung đúng như bà M trình bày, hiện nay các con đã có gia đình riêng và đã trên 18 tuổi nên ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Hờ Thị M tự thỏa thuận chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà M xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà Hờ Thị M, cho bà Hờ Thị M được ly hôn ông Thào A D; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông D không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Tại giấy xác định tình trạng hôn nhân số 159/UBND-XNTTHN ngày 11-4-2023 của UBND xã P, huyện T xác nhận: Tình trạng hôn nhân bà Hờ Thị M chung sống như vợ chồng với ông Thào A D từ năm 1984 đến nay. Hai người không đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục tập quản của địa phương.

Biên bản xác minh ngày 09-5-2023 tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái, ông Hảng A T- Trưởng thôn T cho biết: Bà Hờ Thị M và ông Thào A D chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà M và ông D hay xảy ra mâu thuẫn và đã được thôn hòa giải 02 lần nhưng không có kết quả. Bà M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã X, huyện T từ khoảng năm 2022 đến nay. Về con chung bà M và ông D có 03 con chung là Thào Thị G, sinh ngày 01-01-1987; Thào A T, sinh ngày 15-9-1995 và Thào Thị H, sinh ngày 15-3-2001. Tại địa phương ông D và bà M chấp hành tốt các quy định của địa phương, không có hành vi vi phạm pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hờ Thị M, cho bà Hờ Thị M được ly hôn ông Thào A D; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông D không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí căn cứ vào khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Hờ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hờ Thị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông Thào A D là quan hệ pháp luật Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Thào A D có địa chỉ tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền về lãnh thổ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hờ Thị M và ông Thào A D tự nguyện tìm hiểu có tình cảm và được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1984 và chung sống cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn*: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý";* tuy nhiên tại điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau: *"a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000."* Tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 quy định: " *…trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung*".

Đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì bà M và ông D có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có con chung, đã thực sự xây dựng gia đình - là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội "về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000". Do đó, việc bà M, ông D tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D không chăm lo cho gia đình, thường hay uống rượu rồi về nhà đánh đập vợ. Vì không thể chịu đựng cảnh bạo lực gia đình nên bà M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã X, huyện T từ đó đến nay, ông D cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông gây ra, ông mong muốn được đoàn tụ, nếu bà M nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Do đó, có cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà M và ông D không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Hờ Thị M và ông Thào A D cùng xác định có 03 con chung là Thào Thị G, sinh ngày 01-01-1987; Thào A T, sinh ngày 15-9-1995 và Thào Thị H, sinh ngày 15-3-2001; hiện nay các con đã đi xây dựng gia đình riêng và đã trên 18 tuổi nên bà M và ông D không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết. Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hờ Thị M và ông Thào A D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bà Hờ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hờ Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hờ Thị M được ly hôn ông Thào A D.

2. Về án phí: Bà Hờ Thị M phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số AA/2021/0000637 ngày 11-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Xác nhận bà M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Thào A D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lên